

Bản án số: **01/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 02/01/2018

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thúy Sơn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Thành Minh**

2. Bà **Phan Thị Thúy Hằng**

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Hòa tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2017/QĐXX-ST ngày 01 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Bá P**, sinh năm 1984

Trú ở: thôn N, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên

Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Chị **Phạm Thị L**, sinh năm 1992

HKT: thôn N, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên

Chỗ ở hiện nay: thôn C, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn ly hôn do anh Nguyễn Bá P viết ngày 19/6/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau: Anh P và chị Phạm Thị L kết hôn tự nguyện vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện S. Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn với lý do chị L thường xuyên nói dối việc nợ nần, chửi mắng chồng và cha mẹ chồng, giữa hai vợ chồng ngày càng khác biệt về quan điểm sống, chị L không lo làm ăn hay đi chơi và về nhà tối khuya nên vợ chồng xảy ra cãi vã, không ai chịu nhường nhịn ai dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Đến tháng 04/2017, chị L bỏ về nhà cha mẹ đẻ tại thôn C, xã H, huyện P để ở từ đó đến nay, hai bên không liên lạc qua lại với nhau. Nay anh P không còn tình cảm với chị L nên xin Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo N, sinh ngày 08/9/2011, con hiện đang ở với chị L. Ly hôn anh P đồng ý giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục con chung và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000đ.

Về tài sản chung : Vợ chồng có 17 chỉ vàng y (vàng 24k) và một chiếc xe Virson biển số 78L -. Tất cả tài sản này hiện do chị L quản lý, sử dụng. Nay ly hôn anh P không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ Ngân hàng chính sách xã hội V- Phòng giao dịch huyện S, tỉnh Phú Yên số tiền 42.000.000đ; Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q số tiền 30.000.000đ và Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên H số tiền 20.000.000đ. Tất cả các khoản nợ trên anh P đã trả xong hiện nay không có nợ ai khác. Ly hôn anh P không tranh chấp các khoản nợ trên và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và biên bản ghi lời trình bày ngày 22/11/2017, chị Phạm Thị L trình bày: Chị L và anh P kết hôn tự nguyện năm 2010 có đăng ký tại UBND xã S, huyện S. Nay anh P xin ly hôn chị L không đồng ý. Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo N, sinh ngày 08/9/2011, con hiện đang ở với chị L. Nếu ly hôn chị L xin được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không có.

Tòa án nhân dân huyện P đã triệu tập hợp lệ chị L nhiều lần và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị L vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng. Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, cho anh Nguyễn Bá P được ly hôn chị Phạm Thị L. Giao con chung Nguyễn Ngọc Bảo N, sinh ngày 08/9/2011 cho chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục, chị L không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000đ và thời hạn cấp dưỡng từ tháng 01/2018 nên đề nghị Tòa ghi nhận. Về tài sản chung anh P không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa không xét. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị L nhiều lần (trên hai lần), nhưng chị L cố tình vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Nguyễn Bá P và chị Phạm Thị L kết hôn hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, hôn nhân giữa anh P và chị L là hợp pháp. Tại phiên tòa, anh P vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với lý do trong cuộc sống chị L hay nói dối và chửi mắng chồng, tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng về quan điểm sống và từ tháng 04/2017 chị L bỏ về nhà cha, mẹ để ở cho đến nay, hai bên không quan tâm và không liên lạc với nhau. Đồng thời, anh P thể hiện quyết tâm mong muốn được ly

hôn với chị L và khẳng định đời sống hôn nhân không thể duy trì, trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc. Mặc dù, chị L có bản trình bày không đồng ý ly hôn nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tổng đạt văn bản tố tụng cho chị L, chị L biết được nội dung yêu cầu xin ly hôn của anh P nhưng chị L không đến Tòa án để thể hiện thiện chí muốn đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng đời sống vợ chồng giữa anh P và chị L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh P, cho anh P được ly hôn với chị L.

[3]Về con chung: Anh Nguyễn Bá P và chị Phạm Thị L có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo N, sinh ngày 08/9/2011 hiện đang ở với chị L. Tại phiên tòa, anh P thống nhất để chị L trực tiếp nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng, con hiện nay do chị L trực tiếp nuôi dưỡng nên để tạo sự ổn định như lâu nay chấp nhận yêu cầu của chị L được tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục con. Về cấp dưỡng nuôi con chị L không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng. Tuy nhiên, anh P đồng ý tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000đ và thời hạn cấp dưỡng từ tháng 01/2018 nên Tòa ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Bá P không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

[5]Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án. Anh Nguyễn Bá P phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 110 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận ly hôn giữa anh Nguyễn Bá P và chị Phạm Thị L.

Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo N, sinh ngày 08/9/2011.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Bá P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 650.000đ (sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 01/2018 cho đến khi phát sinh một trong các trường hợp quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Bá P không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết án phí, lệ phí Tòa án. Anh Nguyễn Bá P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí HNGĐ-ST và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST (phần cấp dưỡng nuôi con), anh P đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2015/0000675 ngày 07/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên. Do đó còn phải nộp tiếp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND t. Phú Yên;
- VKSND h. Phú Hòa;
- THA h. Phú Hòa;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Sơn